**BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM MÔN ĐỊA LÍ LỚP 12 BÀI 39:**

**VẤN ĐỀ KHAI THÁC LÃNH THỔ THEO CHIỀU SÂU Ở ĐÔNG NAM BỘ**

**Câu 1:**  Đầu mối giao thông trên bộ quan trọng nhất của vùng Đông Nam Bộ là :

**A.** TP Hồ Chí Minh. **B.** TP Biên Hòa.

**C.** TX Đồng Xoài. **D.** TX Tây Ninh.

**Câu 2:**  Hồ nhân tạo lớn nhất ở vùng Đông Nam Bộ tính đến năm 2007 là :

**A.** Hồ thủy điện Thác Mơ. **B.** Hồ thủy điện Trị An.

**C.** Hồ thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi. **D.** Hồ thủy lợi Dầu Tiếng.

**Câu 3:**  Vấn đề không đặt ra đối với việc phát triển công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ hiện nay là

**A.** Mở rộng quan hệ đầu tư với nước ngoài **B.** Quan tâm tới vấn đề môi trường

**C.** Hạn chế phát triển các khu công nghiệp **D.** Tránh làm tổn hại đến ngành du lịch

**Câu 4:**  Hoạt động kinh tế biển ít có giá trị đối với nền kinh tế của Đông Nam Bộ là

**A.** khai thác, chế biến dầu khí. **B.** giao thông vận tải biển.

**C.** du lịch biển. **D.** nuôi trồng thuỷ sản.

**Câu 5:**  Nói về tiêu chí của vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ, ý kiến nào dưới đây không đúng?

**A.** nâng cao hiệu quả khai thác lãnh thổ trên cơ sở đầu tư vốn, khoa học công nghệ.

**B.** ưu tiên phát triển công nghiệp và dịch vụ.

**C.** khai thác có hiệu quả các nguồn lực, duy trì tốc độ  tăng trưởng kinh tế cao.

**D.** giải quyết tốt các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường.

**Câu 6:**  Vấn đề cần giải quyết khi khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là

**A.** Tăng cường cơ sở năng lượng **B.** Bổ sung lực lượng lao động

**C.** Đầu tư cơ sở hạ tầng, giao thông vận tải **D.** Hỗ trợ vốn

**Câu 7:**  Cơ sở năng lượng ở Đông Nam Bộ đã từng bước được giải quyết nhờ

**A.** hoàn toàn vào nguồn điện ở Tây Nguyên.

**B.** nguồn điện ở Duyên hải Nam Trung Bộ cung cấp.

**C.** phát triển nguồn điện và mạng lưới điện.

**D.** phát triển điện nguyên tử và điện gió.

**Câu 8:**  Dựa vào Atlat trang 28, tỉ trọng GDP của từng vùng Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long so với GDP cả nước năm 2007 tương ứng là

**A.** 29,3%  và 14,6%. **B.** 30,3 %  và  15,6%.

**C.** 31,3 % và 16,6%. **D.** 32,3%  và  17,6%.

**Câu 9:**  Các vùng trồng cây ăn quả hàng đầu nước ta là

**A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ và Đồng bằng sông Hồng.

**B.** Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

**D.** Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 10:**  Bảo vệ rừng đầu nguồn lưu vực sông Đồng Nai, trước mắt là nhằm :

**A.** Phục vụ cho nhu cầu dân dụng và chất đốt ở Thành phố Hồ Chí Minh.

**B.** Cung cấp nguyên liệu cho nhà máy giấy Tân Mai.

**C.** Tăng cường nguồn nước cho hồ thủy điện Trị An.

**D.** Bảo vệ các nguồn gen thực - động vật quý hiếm.

**Câu 11:**  Các nhà máy điện đang hoạt động ở vùng Đông Nam Bộ (đến năm 2005) xếp theo thứ tự từ lớn đến nhỏ là :

**A.** Thác Mơ, Phú Mỹ (1,2,3,4), Trị An, Thủ Đức.

**B.** Phú Mỹ (1, 2, 3, 4), Trị An, Thủ Đức, Thác Mơ.

**C.** Trị An, Thủ Đức, Thác Mơ, Phú Mỹ (1,2,3,4).

**D.** Thủ Đức, Thác Mơ, Phú Mỹ (1,2,3,4), Trị An.

**Câu 12:**  Cây công nghiệp lâu năm của vùng Đông Nam Bộ chiếm :

**A.** Khoảng 1/2 diện tích cây công nghiệp của cả nước.

**B.** Khoảng 1/3 diện tích cây công nghiệp của cả nước.

**C.** Khoảng 1/4 diện tích cây công nghiệp của cả nước.

**D.** Khoảng 1/5 diện tích cây công nghiệp của cả nước.

**Câu 13:**  Tỉnh, thành phố có giá trị sản lượng công nghiệp cao nhất ở Đông Nam Bộ là :

**A.** Thành phố Hồ Chí Minh. **B.** Đặc khu Bà Rịa - Vũng Tàu.

**C.** Tỉnh Đồng Nai. **D.** Tỉnh Bình Dương.

**Câu 14:**  Bảo vệ rừng đầu nguồn lưu vực sông Đồng Nai, trước mắt là nhằm:

**A.** tăng cường nguồn nước cho hồ thủy điện Trị An.

**B.** phục vụ cho nhu cầu dân dụng và chất đốt ơ TPHCM.

**C.** cung cấp nguyên liệu cho nhà máy giấy Tân Mai.

**D.** bảo vệ nguồn gen động - thực vật quý hiếm.

**Câu 15:**  Bảo vệ rừng ngập mặn ở Đông Nam Bộ có ý nghĩa lớn trong việc :

**A.** Du lịch sinh thái.

**B.** Bảo tồn những di tích trong kháng chiến chống Mĩ.

**C.** Bảo tồn các hệ sinh thái ngập mặn cửa sông.

**D.** Cung cấp gỗ củi và nuôi trồng thủy sản.

**Câu 16:**  Giải pháp có ý nghĩa hàng đầu trong khai thác lãnh thổ theo chiều sâu của nông nghiệp ở Đông Nam Bộ là

**A.** bảo vệ vốn rừng. **B.** thay đổi cơ cấu cây trồng.

**C.** đa dạng hóa cơ cấu cây trồng. **D.** hoàn chỉnh mạng lưới thủy lợi.

**Câu 17:**  Năm 2005, mật độ dân số của Đông Nam Bộ :

**A.** Cao hơn Đồng bằng sông Cửu Long.

**B.** Cao hơn mức trung bình của cả nước.

**C.** Thấp hơn mức trung bình của cả nước.

**D.** Đứng thứ hai sau Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 18:**  Đông Nam Bộ có sức hút mạnh nhất đối với đầu tư nước ngoài nhờ vào lợi thế :

**A.** Cảng biển, cơ sở vật chất - kĩ thuật, thị trường.

**B.** Lao động kĩ thuật, cơ sở hạ tầng, trung tâm công nghiệp lớn.

**C.** Vị trí địa lí, tài nguyên, lao động, cơ sở hạ tầng.

**D.** Vị trí địa lí, trung tâm công nghiệp lớn và các thành phố lớn đông dân.

**Câu 19:**  Hiện nay việc phát triển công nghiệp ở Đông Nam Bộ đặt ra một nhu cầu lớn về

**A.** nguồn lao động. **B.** nguồn năng lượng.

**C.** vấn đề lương thực. **D.** thị trường tiêu thụ.

**Câu 20:**  Cửa khẩu quốc tế Mộc Bài thuộc tỉnh :

**A.** Bình Phước. **B.** An Giang. **C.** Tây Ninh. **D.** Đồng Nai.

**Câu 21:**  Phương hướng khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp Đông Nam Bộ là

**A.** đầu tư, phát triển công nghiệp lọc – hóa dầu.

**B.** phát triển hạ tầng giao thông vận tải và thông tin liên lạc.

**C.** tăng cường cơ sở năng lượng và thu hút đầu tư nước ngoài.

**D.** hiện đại hóa tam giác tăng trưởng công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh – Biên Hòa – Vũng Tàu.

**Câu 22:**  Sự khác biệt về trình độ lao động của vùng Đông Nam Bộ so với các vùng khác trong cả nước là

**A.** Hạn chế về trình độ hơn

**B.** Năng động nhạy bén hơn trong cơ chế thị trường

**C.** Có trình độ học vấn cao hơn

**D.** Có kinh nghiệm trong sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp

**Câu 23:**  Đông Nam Bộ và Tây Nguyên đều có chung thế mạnh về :

**A.** Chăn nuôi gia súc. **B.** Trồng cây công nghiệp.

**C.** Dầu mỏ và quặng bô xít. **D.** Quặng bôxit và thủy năng.

**Câu 24:**  Để khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp, Đông Nam Bộ cần phải :

**A.** Tăng cường cơ sở năng lượng, đầu tư vào các ngành trọng điểm, giải quyết tốt vấn đề môi trường.

**B.** Hình thành các khu công nghiệp mới ở ngoại ô các thành phố lớn.

**C.** Đầu tư mạnh vào công nghiệp khai thác và chế biến dầu khí.

**D.** Nâng cấp mạng lưới giao thông vận tải và thông tin liên lạc.

**Câu 25:**  Nhà máy thủy điện nào sau đây được xây dựng ở vùng ĐNB?

**A.** Trị An **B.** Đa Nhim **C.** Yaly **D.** Đại Ninh

**Câu 26:**  Trong nhóm cây công nghiệp hằng năm, giữ vị trí quan trọng nhất ở Đông Nam Bộ là :

**A.** Lạc, mía. **B.** Mía, đậu tương. **C.** Đậu tương, bông. **D.** Bông, lạc.

**Câu 27:**  Vấn đề tiêu biểu trong sự phát triển của vùng Đông Nam Bộ là

**A.** khai thác lãnh thổ theo chiều sâu.

**B.** sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên.

**C.** hình thành cơ cấu nông  - lâm  - ngư nghiệp.

**D.** chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành.

**Câu 28:**  Ngành chiếm tỉ trọng cao nhất trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp ở Đông Nam Bộ là :

**A.** Công nghiệp thực phẩm. **B.** Công nghiệp dệt, may mặc.

**C.** Công nghiệp hóa chất, phân bón, cao su. **D.** Công nghiệp cơ khí - điện tử.

**Câu 29:**  Các nhà máy điện có công suất trên 150 MW xây dựng trên lưu vực sông Đồng Nai (tính đến 12/2005) là :

**A.** Thác Mơ, Trị An, Thủ Đức, Y-a-li **B.** Thủ Đức, Hàm Thuận - Đa Mi, Thác Mơ.

**C.** Phú Mĩ, Đa Nhim, Hàm Thuận - Đa Mi. **D.** Hàm Thuận - Đa Mi, Trị An, Đa Nhim

**Câu 30:**  Để khai thác thế mạnh về thủy điện và giao thông vận tải của sông Đồng Nai, cần chú ý:

**A.** Bảo vệ rừng đầu nguồn.

**B.** Phát triển các đội tàu thuyền và xây dựng hệ thống cảng sông ở những nơi có điều kiện thuận lợi.

**C.** Xây dựng thêm một số nhà máy thủy điện vừa và nhỏ trên các phụ lưu.

**D.** Thường xuyên nạo vét lòng sông và cửa sông.

**Câu 31:**  Tỉnh nào sau đây không thuộc vùng Đông Nam Bộ?

**A.** Đồng Nai **B.** Bà Rịa – Vũng Tàu **C.** BÌnh Dương **D.** Long An

**Câu 32:**  ý nào không đúng là điều kiện thuận lợi của vùng Đông Nam Bộ ?

**A.** Giáp các vùng giàu nguyên liệu **B.** Có cửa ngõ thông ra biển

**C.** Có tiền năng lớn về đất phù sa **D.** Có địa hình tương đối bằng phẳng

**Câu 33:**  Nhân tố quan trọng nhất để Đông Nam Bộ trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn ở nước ta là

**A.** Tiền năng đát badan và đất xám phù sa cổ tập trung thành vùng

**B.** Khí hậu có sự phân mùa

**C.** Khí hậu cận xích đạo **D.** Mạng lưới sông ngòi dày đặc

**Câu 34:**  Khoáng sản có ý nghĩa quang trọng hàng đầu đối với vùng Đông Nam Bộ và cả nước là

**A.** Dầu khí **B.** Bôxit **C.** Than **D.** Crôm

**Câu 35:**  Các nhà máy thủy điện không sử dụng nguồn nước của lưu vực sông Đồng Nai là :

**A.** Trị An, Đa Nhim. **B.** Hàm Thuận – Đa Mi, Thác Mơ.

**C.** Y-a-li, Đrây Hơ-linh. **D.** Đrây Hơ-linh, Hàm Thuận - Đa Mi.

**Câu 36:**  Đông Nam Bộ có bao nhiêu tỉnh / thành phố nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

**A.** 5. **B.** 6. **C.** 7. **D.** 8.

**Câu 37:**  Trung tâm công nghiệp chuyên ngành ở Đông Nam Bộ có thuận lợi về vị trí địa lí, tài nguyên, lao động và cơ sở hạ tầng là :

**A.** Biên Hòa. **B.** TP Hồ Chí Minh. **C.** Vũng Tàu. **D.** Bình Dương.

**Câu 38:**  Loại đất chiếm khoảng 40% diện tích của vùng Đông Nam Bộ là :

**A.** Đất phù sa. **B.** Đất xám phù sa cổ.

**C.** Đất đỏ ba dan. **D.** Đất phe-ra-lit đỏ vàng.

**Câu 39:**  Những ngành công nghiệp nào của Đông Nam Bộ có vị trí nổi bật trong cơ câu công nghiệp của vùng?

**A.**  luyện kim, điện tử, chế tạo máy, tin học, hóa chất, hóa dược, thực phẩm.

**B.** luyện kim, điện tử, chế tạo máy, tin học, chế biến lâm sản, hóa dược, thực phẩm.

**C.** luyện kim, điện tử, chế tạo máy, tin học, hóa chất, hóa dược, chế biến chè.

**D.** luyện kim, điện tử, chế tạo máy, tin học, hóa chất, hóa dược, thực phẩm, thủy điện.

**Câu 40:**  Biểu hiện nào không chứng minh cho Đông Nam Bộ là vùng chuyên cang cây công nghiệp lớn nhất nước ta ?

**A.** Là vùng chuyên canh cao su lớn nhất cả nước

**B.** Là vùng chuyên canh cà phê lớn thứ hai cả nước

**C.** Là vùng chuyên canh điều lớn nhất cả nước

**D.** Là vùng chuyên canh dừa lớn nhất cả nước

**Câu 41:**  Biện pháp quan trọng để phát triển cây công nghiệp ở Đông Nam Bộ là :

**A.** Thay giống cây trồng cũ bằng các giống cây trồng mới cho năng suất và sản lượng cao.

**B.** Áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất.

**C.** Tăng cường phân bón và thuốc trừ sâu.

**D.** Mở rộng diện tích cây cà phê.

**Câu 42:**  So với các vùng khác trong cả nước, Đông Nam Bộ là vùng

**A.** Có cơ cấu kinh tế phát triển nhất **B.** Có số dân ít nhất

**C.** Có nhiều thiên tai nhất **D.** Có GDP thấp nhất

**Câu 43:**  Vì sao khai thác lãnh thổ theo chiều sâu là vấn đề tiêu biểu trong sự phát triển của vùng Đông Nam Bộ?

**A.** Đây là vùng có dân số đông nhất cả nước.

**B.** Đây là vùng kinh tế phát triển năng động nhât cả nước.

**C.** Đây là vùng có nhiều tài nguyên khoáng sản nhất cả nước.

**D.** Đây là vùng có sản lượng lương thực lớn nhất cả nước.

**Câu 44:**  Nguồn nước khoáng nào dưới đây thuộc vùng Đông Nam Bộ ?

**A.** Quang Hanh. **B.** Hội Vân. **C.** Bình Châu. **D.** Mỹ Lâm

**Câu 45:**  Khó khăn về tự nhiên của vùng Đông Nam Bộ là

**A.** Diện tích đất phèn, đất mặn lớn **B.** Thiếu nước về mùa khô

**C.** Hiện tượng cát bay, cát lấn **D.** Áp thấp nhiệt đới gây mưa lớn kéo dài

**Câu 46:**  Điểm giống nhau giữa vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên về tự nhiên là

**A.** Có đất xám phù sa cổ tập trung thành vùng lướn

**B.** Có đất badan tập trung thành vùng lớn

**C.** Sông ngòi dày đặc, nhiều nước quanh năm

**D.** Nhiệt độ quanh năm cao trên 27oC

**Câu 47:**  Về tự nhiên, vùng Đông Nam Bộ khác Tây Nguyên ở chỗ

**A.** Khí hậu ít có sự phân hóa theo độ cao **B.** Sông có giá trị hơn về thủy điện

**C.** Nguồn nước ngầm phong phú hơn **D.** Có tiềm năng lướn về rừng

**Câu 48:**  Vùng chuyên canh cây công nghiệp có cơ sở vật chất - kĩ thuật tốt nhất là :

**A.** Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. **B.** Đông Nam Bộ.

**C.** Tây Nguyên. **D.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Câu 49:**  Trong việc phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Đông Nam Bộ, ngoài thuỷ lợi thì biện pháp quan trọng tiếp theo là

**A.** áp dụng cơ giới hoá trong sản xuất.

**B.** nâng cao trình độ cho người lao động.

**C.** tăng cường sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật.

**D.** thay đổi cơ cấu cây trồng và giống cây trồng cho năng suất cao hơn.

**Câu 50:**  Mức tập trung sản xuất cây cao su cao nhất ở vùng

**A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **C.** Tây Nguyên **D.** Đông Nam Bộ.

---------------------------------------------- **ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | B | 11 | B | 21 | C | 31 | D | 41 | B |
| 2 | B | 12 | B | 22 | B | 32 | C | 42 | A |
| 3 | C | 13 | A | 23 | B | 33 | A | 43 | B |
| 4 | D | 14 | A | 24 | A | 34 | A | 44 | C |
| 5 | B | 15 | C | 25 | A | 35 | C | 45 | B |
| 6 | A | 16 | D | 26 | B | 36 | B | 46 | B |
| 7 | C | 17 | B | 27 | A | 37 | C | 47 | A |
| 8 | D | 18 | D | 28 | A | 38 | C | 48 | B |
| 9 | D | 19 | B | 29 | D | 39 | A | 49 | D |
| 10 | C | 20 | C | 30 | A | 40 | D | 50 | D |